

Bản án số: 13/2021/HNGĐ- ST
Ngày 21/9 /2021
V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA - TỈNH LÀO CAI**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Cờ và ông Nguyễn Văn Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn - Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2021 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, Sinh năm:1989; Nghề nghiệp: Tự do; Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, phường S1, thị xã S, tỉnh L, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức P, sinh năm 1986; Nơi ĐKNKTT: Thôn 21, xã Đ, huyện H, tỉnh T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2021 và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Đức P kết hôn ngày 10/03/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (Nay là thị xã Sa Pa), tỉnh Lào Cai, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau vui vẻ, hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn và nuôi dạy con cái, trong cuộc sống thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng phát sinh trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào cai giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung: Cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2013. Khi ly hôn chị Trần Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập của chị hiện nay khoảng 14.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có tài sản, công nợ gì chung.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2021, bị đơn anh Hoàng Đức P trình bày:

Về thời điểm kết hôn, quá trình hôn nhân như vợ anh trình bày là đúng sự thật. Lý do vợ chồng anh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Đến nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh xác nhận có 01 người con chung như chị T đã trình bày. Khi ly hôn anh đồng ý để chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Gia B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Hiện anh chị không có tài sản và công nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã có bản tự khai. Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 26/8/2021, bị đơn anh P có đơn xin vắng mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa bị đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 238 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Đức P.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2013 cho chị Trần Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bcho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đức P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Các đương không có tài sản và công nợ chung.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/05/2020, chị Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” đối với anh Hoàng Đức P tại Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Trước thời điểm chị Trần Thị T có đơn khởi kiện, anh Hoàng Đức P cư trú tại: Thôn 21, xã Đ, huyện H, tỉnh T, các đương sự đã có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa giải quyết việc ly hôn; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã có bản tự khai, Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Ngày 26/8/2021 bị đơn anh P có đơn xin vắng mặt tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Đức P kết hôn ngày 10/03/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (Nay là thị xã Sa Pa), tỉnh Lào Cai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 10/03/2013, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Đức P được pháp luật thừa nhận là hợp pháp.

Chị Trần Thị T và anh Hoàng Đức P kết hôn ngày 10/03/2013 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa (Nay là thị xã Sa Pa), tỉnh Lào Cai, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn và nuôi dạy con cái, trong cuộc sống thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng phát sinh trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Đến nay chị T thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P thực sự không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào cai giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Hoàng Đức P cho rằng: Về thời điểm kết hôn, quá trình hôn nhân như vợ anh trình bày là đúng sự thật. Lý do vợ chồng anh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Đến nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Đức P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị Trần Thị T yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đức P và anh Hoàng Đức P cũng nhất trí ly hôn là có căn cứ pháp luật. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giải quyết cho chị Trần Thị T và anh Hoàng Đức P ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T có yêu cầu khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Gia B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai anh Hoàng Đức P có đề nghị “Khi ly hôn anh đồng ý để chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Hoàng Gia B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, anh P không cấp dưỡng nuôi con chung”. Do đó cần giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2013 cho chị Trần Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đức P không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản và công nợ gì chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị T nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Đức P.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2013 cho chị Trần Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Đức P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00005530, ngày 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh + TX;
- UBND phường Sa Pa, thị xã Sa Pa
- Các đương sự;
- Chi cục THA TX;
- Lưu HSVA; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Thanh